

Dưới đây là phần hướng dẫn soạn unit 11 lớp 7 Travelling in the future SBT mới được chia sẻ miễn phí, hỗ trợ các em ôn luyện hiệu quả. Mời các em học sinh cùng quý thầy cô tham khảo.

Giải Tiếng Anh 7 SBT Phonetics trang 36 sách mới

1. Practise the following questions.

(Thực hành những câu hỏi bên dưới.)

Hướng dẫn dịch:

1. Hệ thống giao thông của chúng ta sẽ như thế nào trong tương lai?
2. Đây là xe đạp của bạn phải không?
3. Tên của xe ô tô bay mới là gì?
4. Năng lượng mặt trời sẽ được phổ biến vào năm 2050 phải không?
5. Cách người ta du hành từ một lục địa đến nơi khác như thế nào?

2. Put the questions ...

(Xếp mỗi câu hỏi sau vào đúng cột và luyện nói các câu hỏi đó.)

: 2, 4

: 1, 3, 5

3. Practise the following conversation.

(Luyện tập đoạn hội thoại sau.)

Hướng dẫn dịch:

Phong: Bạn có xe đạp không, Tuấn Anh?

Tuấn Anh: Vâng, Tôi có. Tôi đạp xe đến trường hằng ngày.

Phong: Bạn có nghĩ nó là cách tốt nhất để đi dạo không?

Tuấn Anh: À... tôi không biết. Thỉnh thoảng nó khá chậm, đặc biệt khi tôi bị trễ. Nhưng nó rất thân thiện môi trường. Bạn có nó không, Phong?

Phong: Vâng, tôi có. Tôi ước tôi có thể sử dụng nó thường xuyên hơn. Bạn có nghĩ chúng ta cần đường đặc biệt cho xe đạp không?

Tuấn Anh: Vâng, tôi nghĩ thế. Cũng có nhiều xe mô tô. Vậy bạn đi học bằng cách nào?

Phong: Tôi đón xe buýt. Tôi cũng nghĩ chúng ta sẽ sớm có xe điện ngầm trong thành phố chúng ta.

Giải SBT Anh 7 mới Vocabulary - Grammar trang 37, 38

1. Match the means...

(Nói định nghĩa phương tiện vận chuyển với phần mô tả của chúng)

1. D	2. A	3. B	4. C
------	------	------	------

1. Xe hơi tự lái - Bạn có thể làm việc, hoặc thậm chí ngủ, trong lúc nó tự điều khiển sử dụng cảm biến và hệ thống quan sát. Người già và người tàn tật có thể lái.

2. Xe hơi bay - Nó có cánh và sử dụng công nghệ của cả hai ngành công nghệ ô tô và công nghệ hàng không.

3. Tàu cao tốc - Phương tiện công cộng này thì an toàn và nhanh hơn lái một chiếc xe hơi và rẻ hơn di chuyển bằng máy bay.

4. Túi phản lực (jet pack) - Nó dễ điều khiển và tiện lợi hơn trực thăng. Bạn có thể đeo nó sau lưng và hạ cánh ở nơi nhỏ bé.

2. Choose the correct words...

(Chọn từ đúng trong khung và điền vào chỗ trống.)

1. supersonic	2. Driverless	3. underwater
4. eco-friendly	5. Wind-powered	6. high-speed

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi nghĩ trong tương lai chúng ta sẽ có thể bay lên mặt trăng bằng phi thuyền siêu thanh mà di chuyển nhanh hơn tốc độ âm thanh.

2. Bạn có thể đọc báo trong xe hơi tự lái bởi vì nó tự động.

3. Không thể tin được trong tương lai chúng ta đón tàu ngầm và tận hưởng xem cá bơi xung quanh trong lúc chúng ta đang di chuyển.

4. Năng lượng mặt trời thì thân thiện với môi trường.

5. Tàu năng lượng gió sử dụng gió như năng lượng chạy bằng buồm.

6. Tàu cao tốc là loại tàu tốc độ cao mà đầu tiên là từ Nhật.

3. Choose the correct option.

(Chọn lựa chọn đúng.)

1. C. riding	2. A. pedal	3. C. float
4. B. fly	5. C. take	6. B. drives

Hướng dẫn dịch:

1. Nhìn ảnh này! Bạn đang cưỡi ngựa!

2. Thật khó để đạp xe lên đồi.

3. Bạn có thể dễ nổi ở biển chết. Tại sao? Vì nó khá mặn.

4. Cô ta là khách hàng thường xuyên của công ty hàng không đó. Cô ta đã bay hàng tháng vì công việc.

5. Bạn sẽ đón taxi hay tàu?

6. Anh ta lái xe hơi thể thao màu trắng.

4. Choose the correct word...

(Chọn từ đúng để hoàn thành câu. Sau đó viết chúng xuống tạo câu đầy đủ.)

1. by	2. by	3. on	4. on
5. in	6. by	7. on	

Hướng dẫn dịch:

1. Cô ấy đến bảo tàng bằng xe buýt.

2. Họ đi làm bằng tàu.

3. Tôi thường đọc báo những lúc ở trên tàu.
4. Chúng tôi đã đi Gothenburg vào mùa hè năm ngoái và nó là lần đầu tiên của chúng tôi đi tàu.
5. Anh ấy thường di chuyển bằng xe hơi.
6. Anh ta không thích đi bằng xe hơi bởi vì nó khá đắt.
7. Con chúng tôi thường ngủ trong lúc chúng trên máy bay.

5. Circle the correct word...

(Khoanh tròn những từ đúng để hoàn thành những câu. Sau đó viết xuống tạo câu đầy đủ.)

1. hers	2. our	3. mine
4. his	5. yours	6. yours

Hướng dẫn dịch:

1. Máy tính thuộc quyền sở hữu của Nhung. Đó là máy tính của cô ấy.
2. Xe hơi của họ màu đỏ. Xe hơi của chúng tôi màu xám.
3. Những quyển sách là của chúng tôi.
4. Chuyện gì xảy ra với anh ấy? Anh ta bị gãy tay.
5. Những chìa khóa của tôi ở đây nằm trên bàn. Những cái của bạn ở đâu?
6. Ghế này của bạn phải không?

6. Put the words...

(Đặt các từ trong ngoặc ở dạng đúng. Chú ý đến thể khẳng định/ phủ định.)

1. will be	2. will get	3. will use
4. will become	5. won't be	6. will rise
7. will ride	8. will increase	9. won't be

Hướng dẫn dịch:

Tôi nghĩ các thành phố trong tương lai sẽ đông hơn và giao thông tệ hơn. Con người sẽ sử dụng nhiều xe hơi hơn và ô nhiễm không khí sẽ trở thành vấn đề lớn. Sẽ không đủ không gian cho cây cối, hồ và cao ốc sẽ mọc lên khắp nơi. Có lẽ ít người sẽ đi những chiếc xe đạp của họ. Giá nhiên liệu sẽ tăng. Cuộc sống sẽ không dễ cho tất cả mọi người!

Giải sách bài tập Anh 7 Speaking trang 39 sách mới

1a. Read the conversation...

(Đọc đoạn đối thoại, nhìn vào những câu được gạch dưới. Những câu nào là thực tế? Những câu nào là ý kiến?)

Facts:

- They're so crowded.
- And it's cheaper than going by taxi.
- The trains in Sweden are delayed quite often.

Opinions:

- I think rail travel is the best I transport method for the future.
- It's perhaps quite uncomfortable.
- Perhaps they're good if you don't have any luggage.

Hướng dẫn dịch:

Anna: Tôi nghĩ di chuyển bằng đường sắt là phương thức vận tải tốt nhất trong tương lai. Bạn nghĩ sao Mai?

Mai: À, tôi không biết. Nó có lẽ không được thoải mái. Nhìn vào tàu ở Nhật. Chúng khá đông đúc.

Anna: Nhưng nó nhanh nếu bạn muốn đi từ một nơi đến nơi khác trong thành phố. Và nó rẻ hơn đi bằng taxi.

Mai: Vâng, tôi đồng ý bạn rằng sẽ phải tiêu nhiều tiền hơn nếu bạn đi bằng taxi. Nhưng nó nhanh hơn không? Tàu ở Thụy Điển bị trì hoãn khá thường xuyên.

Anna: Vâng, đúng thế. Thế bạn nghĩ thứ gì tốt hơn tàu?

Mai: Có lẽ xe đạp phải không?

Anna: Có lẽ chúng thì tốt nếu bạn không có bất kỳ hành lý gì.

1b. Look at the Opinions Box...

(Nhìn vào những ý kiến trong khung. Bạn có đồng ý với những ý kiến này không? Nói tại sao bạn đồng ý và tại sao không.)

1. Rail travel is the best transport method for the future.

- Agree: It's cheap and can help reduce pollution.

- Disagree: Bicycle are even cheaper and more eco-friendly.

2. Travelling by train is quite uncomfortable.

- Agree: It's crowded and there can be delayed.

- Disagree: You can work or even take a nap on a train.

3. Travelling by bicycle is good if you don't have any luggage.

- Agree: If you have suitcases you should go by car, or by train.

- Disagree: You can just put your things in a backpack and wear it.

2. This is Huong and some information...

(Đây là Huong và vài thông tin về cô ấy. Em có thể dự đoán tương lai của cô ấy không? Chọn một ý kiến và nói về những tương lai của em. Giải thích sự lựa chọn của em.)

Huong will become a teacher because she likes children and likes giving explanations.

She will live in a house in the countryside with a garden because she likes plants and flowers and she loves being in nature.

She will travel to France in the future because her school has an exchange programme with a school in France and she can speak French.

Hướng dẫn dịch:

Hương sẽ trở thành giáo viên bởi vì cô ấy thích trẻ con và thích đưa ra những lời giải thích.

Cô ấy sẽ sống trong một ngôi nhà ở quê có vườn bởi vì cô ấy thích cây và hoa và cô ấy yêu thích thiên nhiên.

Cô sẽ đi du lịch đến Pháp trong tương lai bởi vì trường của cô ấy có một chương trình giao lưu với một trường ở Pháp và cô ấy có thể nói tiếng Pháp.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Reading trang 40, 41 sách mới

1. Read the conversation...

(Đọc đoạn đàm thoại và làm các nhiệm vụ bên dưới.)

Mai: ... Nó nói về du lịch hàng không trong tương lai. Bây giờ chúng ta sẽ nói về giao thông đường bộ trong tương lai với lối đi bộ, đạp xe trên không và xe đạp.

Veronica: Lối đi bộ tương tự như đi chuyển trên lối đi bộ ở sân bay. Khi lối đi bộ thay thế vỉa hè, chúng sẽ giúp chúng ta di chuyển nhanh hơn.

Phúc: Những đường đi bộ trên không lơ lửng bằng đường ray đơn và bạn có thể đạp xe khi xem thành phố từ trên không.

Veronica: Những xe đạp thông minh có mái che cho thời tiết mưa gió. Chúng sẽ không bao giờ bị mất bởi vì chúng sử dụng khóa vân tay.

Mai: Tất cả chúng đều thân thiện với môi trường. Lối đi bộ sử dụng điện, trong khi đi bộ trên không và xe đạp thông minh sử dụng năng lượng nhân tạo. Nhưng theo ý kiến của chúng tôi xe đạp thông minh sẽ phổ biến nhất, bởi việc xây dựng lối đi bộ và đường chạy trên không có thể rất tốn kém.

1a. Choose the best answer.

(Chọn câu trả lời hay nhất.)

1. future road traffic;
2. intelligent bikes.

1b. Fill the gaps...

(Điền vào chỗ trống với đường đi bộ, ống đạp xe trên không hoặc xe đạp thông minh.)

1. Slidewalks	2. Skycycling tube
3. Intelligent bike	4. Slidewalks
5. Skycycling tube; intelligent bike	6. Slidewalk; skycycling tube

Hướng dẫn dịch:

1. Lối đi bộ có thể thay thế vỉa hè.
2. Ống đạp xe trên không được treo từ đường ray đơn.
3. Xe đạp thông minh có khóa vân tay.
4. Lối đi bộ sử dụng điện.
5. Đường đạp xe trên không và xe đạp thông minh sử dụng năng lượng nhân tạo.
6. Lối đi bộ và đường đạp xe trên không xây dựng rất tốn kém.

2. Read the text...

(Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi, sau đó làm bài tập bên dưới.)

Giao thông đô thị PODS

Những người dân sống ở Milton Keynes, một thị trấn khoảng 70km về phía Bắc London, đã được giới thiệu với kinh nghiệm vận chuyển mới khi sử dụng PODS để vận chuyển trên một tuyến đường cố định.

PODS là loại xe hơi tự lái mà đi ở 19km/h và có thể vận chuyển hai người và hành lý của họ. Có một màn hình cảm ứng trong kính chắn gió của PODS nơi mà hành khách chọn ga cuối của họ. Trong chuyến đi họ vẫn có thể đọc báo, kiểm tra email hay chơi trò chơi trên màn hình, chạy bằng động cơ điện, PODS có cảm biến siêu âm và hệ thống định vị toàn cầu (GPS - Global Positioning System) giúp bản thân chúng biết nơi đang đi và làm thế nào để tránh các chướng ngại vật trên đường. Mọi người có thể sử dụng một ứng dụng điện thoại thông minh để gọi POD trên đường phố.

Bạn nghĩ cách di chuyển này sẽ xuất hiện sớm ở Việt Nam hay không?

2a. Find in the text words ...

(Tìm từ đồng nghĩa với từ và cụm từ dưới đây.)

1. routes	2. terminal	3. passengers	4. obstacles	5. Hail
-----------	-------------	---------------	--------------	---------

2b. Answer the questions.

(Trả lời các câu hỏi sau.)

1. In Milton Keynes, a town about 70 kilometres northwest of London.
2. They can select their terminal, read the news, check e-mails or play video games.
3. The ultrasonic sensors and the GPS system.
4. People can use a smartphone app to hail a pod in the street.

Hướng dẫn dịch:

1. Dự án được giới thiệu ở đâu?

Ở Milton Keynes, một thị trấn cách London 70km về phía Tây Bắc.

2. Hành khách có thể làm gì với màn hình cảm ứng?

Họ có thể chọn điểm đến, đọc tin tức, kiểm tra emails hoặc chơi trò chơi video.

3. Điều gì làm cho POD biết được nơi mà họ sẽ đi và tránh các chướng ngại vật như thế nào?

Bộ cảm biến siêu âm và hệ thống định vị toàn cầu.

4. Tại sao bạn cần một điện thoại thông minh để gọi POD?

Bởi vì người ta có thể sử dụng điện thoại thông minh để gọi POD trên đường.

2c. Decide if the statements...

(Quyết định xem các câu sau đúng (T) hay sai (F).)

1. T (The pods are a type of driverless cars.)
2. F (You can only use the pod to travel on certain routes.)
3. T (The pods are powered by electric motors.)

2d. Can you answer the question in the text?

(Bạn có thể trả lời câu hỏi trong bài văn không?)

I don't think so. Because the pod will be too much expensive for Vietnamese people.

(Tôi không nghĩ vậy. Bởi vì xe pod này rất đắt tiền đối với người Việt Nam.)

Giải SBT Tiếng Anh 7 mới Writing trang 42

1. Write five sentences...

(Viết các câu để miêu tả hình ảnh về những thành phố và giao thông trong năm 2100. Em có thể sử dụng những gợi ý nếu cần.)

1. People will use the sky traffic more.
2. The buildings will be the terminal for sky vehicles.
3. The pollution issues will decrease.
4. There will be more energy sources.
5. The road traffic will change better.

Hướng dẫn dịch:

1. Người ta sẽ sử dụng giao thông trên không nhiều hơn.
2. Những tòa nhà sẽ là điểm đến cho những phương tiện trên không.
3. Những vấn đề ô nhiễm sẽ giảm.
4. Sẽ có nhiều nguồn năng lượng hơn.
5. Giao thông đường bộ sẽ thay đổi tốt hơn.

2. How do you ...

(Em đến trường hàng ngày như thế nào? Đi bộ, bằng xe buýt, bằng thuyền hoặc bằng xe hơi? Em thích nó vì điều gì? Em không thích gì về nó? Em có muốn làm cho việc đi lại của mình tốt hơn không? Viết ít nhất 3 ý kiến trong những khung này và trình bày cho lớp nếu có thể.)

What I am happy about it:

- It makes me healthy.

(Nó làm tôi khỏe khoắn.)

What I am not happy about it:

- It makes me tired when I travel long.

(Nó làm tôi mệt khi tôi đi đường dài.)

What I want it to be in the future:

- It will have the forever electricity System so that I can travel without cycling it.

(Nó sẽ có hệ thống điện vĩnh viễn mà tôi có thể đi mà không cần đạp.)